

Số :1007/VFM.2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/*Authorized Participants and Investors*

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/ Fund name: VFMVN30 ETF**
- Mã ccq/Code: **E1VFN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date:* **10-07-17**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares*
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of component securities and cash component:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	710	1.15%
2	BMP	170	1.34%
3	BVH	280	1.31%
4	CII	750	2.25%
5	CTD	130	2.24%
6	CTG	1,550	2.48%
7	DHG	190	1.83%
8	DPM	650	1.22%
9	FPT	1,770	6.91%
10	GAS	400	1.95%
11	GMD	630	2.18%
12	HAG	1,800	1.30%
13	HNG	950	0.76%
14	HPG	3,780	10.01%
15	HSG	800	2.08%
16	ITA	1,920	0.71%
17	KBC	1,460	1.95%
18	KDC	510	1.90%
19	MBB	3,920	6.73%
20	MSN	1,890	6.33%
21	MWG	700	5.79%
22	NT2	360	0.85%
23	PVD	800	0.86%
24	REE	770	2.30%
25	SBT	580	1.65%
26	SSI	1,320	2.91%
27	STB	5,330	5.56%
28	VCB	1,500	4.66%
29	VIC	2,620	8.83%

30	VNM	770	9.53%
----	-----	-----	-------

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)

1,240,645,500

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND)

1,245,720,003

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND)

5,074,503

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
BVH	64,350	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 10-07-17	Kỳ này/This period 07-07-17	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	27	13	14
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	55,000,000	52,300,000	2,700,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	12,300	12,600	-300
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	635,317,201,579	639,050,327,581	-3,733,126,002
của một lô ETF/per Creation Unit	1,245,720,003	1,260,454,295	-14,734,292
của một chứng chỉ quỹ/per Share	12,457.20	12,604.54	-147.34
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	796.87	808.35	-11.48

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM



Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc/CEO